

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3- ĐỒNG NAI****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/7/2026.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga

Ông Nguyễn Trung Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Phương T**, sinh năm 1992;

CCCD số: 075192016318 do Cục C về TTHX cấp.

Địa chỉ cư trú: Số B ấp T, xã B, Thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông **Trần Hồng P**, sinh năm 1988;

CMND số: 271946610 do Công an tỉnh Đ cấp.

Địa chỉ thường trú: Khu phố E, phường T, Thành phố Đ.

Địa chỉ tạm trú: Số H, khu A, tổ D, khu phố T, phường H, Thành phố Đ.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Hồng P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Đ), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101/2017 ngày 30/5/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xung đột về tình cảm quan hệ vợ chồng, về sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà và ông P đã sống ly thân hơn bảy năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hồng P.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông P có một con chung là cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017.

- Về cấp dưỡng: Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Bị đơn ông Trần Hồng P được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T, cho bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Hồng P; Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng: Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hồng P. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phạm Thị Phương T là nguyên đơn, ông Trần Hồng P là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Hồng P hiện nay đang cư tạm trú: số H, khu A, tổ D, khu phố T, phường H, thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Trần Hồng P nhưng ông P không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử; bà Phạm Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà T, ông P cũng đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương T, HĐXX xét thấy: Bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Hồng P tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Đ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101/2017 ngày 30/5/2017. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo bà T trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà T và ông P đã sống ly thân hơn bảy năm nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P theo quy định nhưng ông P không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông P đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông P là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông P nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Hồng P.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông P có một con chung là cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017.

Xét thấy: Cháu Trần Phạm Thiên K hiện đang sinh sống với bà T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với ông P ý kiến về con chung. Theo hồ

sơ bà T cung cấp cháu Trần Phạm Thiên K đang có bệnh Chậm phát triển tâm thần nặng (F72 theo IDC-10). Do đó, để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, chăm sóc, học hành của con chung, vì vậy cần thiết giao cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017 cho bà Phạm Thị Phương T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Ông Trần Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Hồng P không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương T, cho bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Hồng P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Thiên K, sinh ngày 10/10/2017 cho bà Phạm Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Trần Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Phạm Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai số 0001610 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Nay là thi hành án dân sự thành phố Đ). Bà Phạm Thị Phương T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Hồng P không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Phương T, ông Trần Hồng P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- Thi hành Thành phố Đ;
- UBND xã B, Thành phố Đồng Nai .
- Dương sự;
- Lưu VP- HS.

Nguyễn Thị Quỳnh

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đường sự;
- UBND phường An Bình, TP . Biên Hòa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN COÄNG HOÄA XÃ HOÀI CHUÛ NGHÓA VIỆT NAM
THAØNH PHỐ BIÊN HOÀ Nhãc Laäp – Töi do – Haïnh Phuùc
TÄNH ÑOÀNG NAI

BIÊN BAÛN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Vôùi hoãi ñoàng xeùt xöu sô thaãm goàm coù:

Thaãm phaùn - Chuû toïa phieân toøa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Caùc Hoãi thaãm nhaân daân: Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hằng và ông Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: bà Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/7/2020 ông Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khoa. Ngày 13/8/2020, bà Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiện: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quâu bieâu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần ông Khoa đánh đập bà. Mỗi lần đánh đập bà, bà có báo chính quyền địa phương, có thời gian ông Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn không thay đổi, tính nết tặc tộ. Ngày 17/4/2020 Công an phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Khoa về “hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình”. Tuy bị ông Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên bà đã cố bầu dưng nhưng ông Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe dọa tính mạng của bà và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay bà và ông Khoa sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khoa. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc bà Hằng xin ly hôn với ông Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiện: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quâu bieâu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Nhung, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn bà Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, ông Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho bà Hằng nuôi. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với bà Hằng, do bà Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hằng, giao cháu Hùng cho bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Khoa không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Nhung, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quau bieau quyeat: 3/3 nhaát trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Chánh: Về tài sản chung: Bà Hằng và ông Khoa tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Bà Hằng và ông Khoa khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quau bieau quyeat: 3/3 nhaát trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Trần Thị Hằng phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quau bieau quyeat: 3/3 nhaát trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo chấp hành bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quau bieau quyeat: 3/3 nhaát trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa